

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CXD5 Nĩm h c : 2012-2013 ã VHT : 2
H ãT : H c ph n : 122067101710 - V t lĩ L i c ng 2 H c km : HK02
(30,0,0,0,0,0)

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671031597	36CXD5	Nguy n Ng c B o	10/03/1993				8.0			8.0	2.4	3.8	2.7	5.1	
2	3671031054	36CXD5	Nguy n Qu c Bĩnh	01/12/1994				6.0			6.0	1.8	6.3	4.4	6.2	
3	3671031017	36CXD5	Nguy n Vinh Chánh	24/11/1987				7.0			7.0	2.1	6.5	4.6	6.7	
4	3671030984	36CXD5	Nguy n VÑh Di p	20/07/1994				6.0			6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	
5	3671031038	36CXD5	Nguy n VÑh Dung	28/08/1993				6.0			6.0	1.8	2.0	1.4	3.2	
6	3671031032	36CXD5	Nguy n Tr ng D	23/11/1994				9.0			9.0	2.7	5.5	3.9	6.6	
7	3671031015	36CXD5	Bĩi S B ã t	18/09/1994				8.0			8.0	2.4	4.0	2.8	5.2	
8	3671030928	36CXD5	ñ inh VÑh ã c	05/05/1992				6.0			6.0	1.8	3.3	2.3	4.1	
9	3671030991	36CXD5	Ng» VÑh Hi u	24/10/1994				8.0			8.0	2.4	4.3	3.0	5.4	
10	3671031012	36CXD5	Tĩeu Trung Hi u	21/03/1994				9.0			9.0	2.7	4.0	2.8	5.5	
11	3671030904	36CXD5	Bũi Tá Tân Hoàng	16/10/1994				9.0			9.0	2.7	7.0	4.9	7.6	
12	3671031076	36CXD5	L ² Ng c Huy	28/09/1994				9.0			9.0	2.7	4.3	3.0	5.7	
13	3671030909	36CXD5	Tr n Quang Huy	20/08/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
14	3671031016	36CXD5	V½Qu c Huy	16/09/1994				7.0			7.0	2.1	5.3	3.7	5.8	
15	3671031037	36CXD5	Thi u VÑh H ng	19/08/1991				7.0			7.0	2.1	4.3	3.0	5.1	N HP
16	3671031041	36CXD5	Ph m Anh Ki t	10/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
17	3671031025	36CXD5	T@ Tr ng Khang	27/03/1994				9.0			9.0	2.7	7.8	5.5	8.2	
18	3671031858	36CXD5	Nguy n H i ã Ñĩng Khoa	28/05/1994				8.0			8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	
19	3671031479	36CXD5	Ph m VÑh Kh i	18/01/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD5 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067101710 - V t l ấ L i c ng 2 H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V i T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671030940	36CXD5	Nguy n Nh t Nh	Khuê	30/01/1994				9.0			9.0	2.7	5.0	3.5	6.2	
21	3671031050	36CXD5	ấ nh Tu n	Linh	18/08/1994				7.0			7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
22	3671030976	36CXD5	Nguy n Duy	Linh	06/06/1993				8.0			8.0	2.4	3.0	2.1	4.5	
23	3671032019	36CXD5	Nguy n Ng c	Linh	24/10/1993				6.0			6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
24	3671030913	36CXD5	V ấ Ng c	Linh	17/01/1994				9.0			9.0	2.7	4.3	3.0	5.7	
25	3671030906	36CXD5	H Ng c	Long	22/02/1991				8.0			8.0	2.4	6.8	4.8	7.2	
26	3671030982	36CXD5	Nguy n T n	Long	12/04/1993				8.0			8.0	2.4	3.0	2.1	4.5	
27	3671031020	36CXD5	Thái Phi	Long	27/06/1993				8.0			8.0	2.4	4.0	2.8	5.2	
28	3671030978	36CXD5	Nguy n Minh	Luân	03/07/1994				7.0			7.0	2.1	3.5	2.5	4.6	
29	3671030937	36CXD5	Lê Minh	M n	20/12/1994				8.0			8.0	2.4	3.0	2.1	4.5	
30	3671030980	36CXD5	Ph m V ấ	Nam	01/04/1992				9.0			9.0	2.7	4.0	2.8	5.5	
31	3671031955	36CXD5	Nguy n Qu c	Nguyên	06/02/1992				8.0			8.0	2.4	0.0	0.0	2.4	
32	3671031058	36CXD5	Hoàng Minh	Phong	04/12/1994				7.0			7.0	2.1	3.8	2.7	4.8	
33	3671030924	36CXD5	Tr n V ấ	Phúc	28/06/1994				8.0			8.0	2.4	4.0	2.8	5.2	
34	3671030951	36CXD5	Nguy n Ng c	Ph c	16/03/1994				8.0			8.0	2.4	6.0	4.2	6.6	
35	3671031023	36CXD5	T i	T ấ Ng	20/02/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
36	3671030927	36CXD5	Hu nh Ng c	Tâm	04/09/1994				7.0			7.0	2.1	5.8	4.1	6.2	
37	3671031064	36CXD5	Nguy n Ng c	T n	05/01/1994				8.0			8.0	2.4	0.0	0.0	2.4	N HP
38	3671030955	36CXD5	Lê Anh	Tu n	09/06/1994				9.0			9.0	2.7	4.8	3.4	6.1	

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD5 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067101710 - V t l ấ L i c ng 2 H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V i T c N		NGÀY SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671031052	36CXD5	Nguy n Ng c	Tu n	01/11/1994				9.0			9.0	2.7	3.8	2.7	5.4	
40	3671030970	36CXD5	V ½ Đ ầ g	Tu n	07/08/1994				7.0			7.0	2.1	3.3	2.3	4.4	
41	3671031029	36CXD5	V ½ Vi t	Tuy n	10/02/1994				7.0			7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
42	3671030986	36CXD5	Tr n V ấ	T	04/10/1992				5.0			5.0	1.5	3.3	2.3	3.8	
43	3671030052	36CXD5	Vô Trí	Thành	10/10/1994				7.0			7.0	2.1	4.8	3.4	5.5	
44	3671031055	36CXD5	Hu nh T n	Thi	10/10/1994				8.0			8.0	2.4	6.3	4.4	6.8	
45	3671031083	36CXD5	Nguy n Qu c	Th nh	03/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
46	3671030973	36CXD5	Tr n V ấ	Thông	13/08/1994				8.0			8.0	2.4	4.0	2.8	5.2	
47	3671030968	36CXD5	L ² V ấ	Th a	20/01/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
48	3671031046	36CXD5	Mai Hu nh H u	Tr í	06/12/1993				7.0			7.0	2.1	2.5	1.8	3.9	
49	3671030921	36CXD5	Nguy n V ấ	Tr ng	03/05/1994				8.0			8.0	2.4	8.3	5.8	8.2	
50	3671030947	36CXD5	H Nh	Ý	12/10/1993				7.0			7.0	2.1	2.5	1.8	3.9	

T ng s : 50 h c sinh sinh vi ² n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

Gi ầ Vi ² n B M ầ n

Gi ầ V Khoa